TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bống, ông Đinh Văn Thân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2024/HNGĐ-ST ngày 06/11/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/ QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/ QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng KA, sinh năm 1988, địa chỉ: Bản CM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Đức T, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản CM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/3/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng KA trình bày như sau:

Chị và anh Trần Đức T kết hôn với nhau ngày 28/01/2012 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Khi kết hôn, anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, buông lời xúc phạm nhau, không quan tâm đến nhau. Ngoài ra, anh T không đưa tiền cho chị để nuôi 02 con chung. Hiện nay anh chị vẫn sống chung nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Vì

vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là cháu Trần Đức P sinh ngày 29/9/2012 và cháu Trần Hoàng L sinh ngày 02/01/2016. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng với chị tại bản CM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị KA xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2024, bị đơn anh Trần Đức T trình bày:

Anh T nhất trí với nội dung trình bày của chị KA về việc kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng anh chị chỉ có mâu thuẫn nhỏ mới phát sinh trong khoảng 2 đến 3 năm gần đây. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không thành. Anh không nhất trí yêu cầu ly hôn của chị KA. Về con chung, nếu ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị KA cấp dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, ông Lường Văn Lan, Trưởng bản CM xác nhận: Từ khi kết hôn đến nay, anh T, chị KA và 02 con sinh sống tại bản CM, xã GP, huyện Phù Yên. Anh T là công nhân tại Nhà máy Thủy điện Suối Sập, Phù Yên. Chị KA làm thuê và là đại lý bán vé số xố. Khi phát sinh mâu thuẫn, anh chị không yêu cầu chính quyền cơ sở hoà giải nên ông không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên như sau:

- ***Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- ***Về việc giải quyết vụ án:*** Áp dụng các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Xử cho chị Hoàng KA được ly hôn với anh Trần Đức T. Giao cháu 02 con chung cho chị Hoàng KA trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng KA phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đức T đã được nhận các tài liệu gồm đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ khác do

nguyên đơn cung cấp, đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng KA và anh Trần Đức T đăng ký kết hôn ngày 28/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Khi đăng ký, anh chị đã đủ tuổi kết hôn và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị KA và anh T là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và nguyên nhân kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị KA và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị KA.

[3] Về con chung: Chị KA có nơi cư trú và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hai cháu Trần Đức P và Trần Hoàng L đều có nguyện vọng được sống cùng với chị KA. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị KA, giao 02 con chung cho chị KA trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị KA có điều kiện nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Hoàng KA phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng KA. Xử cho chị Hoàng KA ly hôn anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức P sinh ngày 29/9/2012 và cháu Trần Hoàng L sinh ngày 02/01/2016 cho chị Hoàng KA trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Đức T do chị Hoàng KA chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng KA phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, theo biên lai thu tiền số: 0000578 ngày 06/11/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 13/02/2025)*. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam